

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH CỬU  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 16 - 12 - 2021.  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Trung Chiến.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Viết Cẩm

Bà Vũ Thị Hào

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thanh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 136/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi lịch mở lại phiên tòa số: 83/2021/TB-TA ngày 14/7/2021; Thông báo mở lại phiên tòa số: 151/2021/TB-TA ngày 18/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/11/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975;

Trú tại: tổ 9, ấp 3, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1973;

Trú tại: tổ 9, ấp 3, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt, anh B vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong đơn khởi kiện, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị cấp giấy chứng nhận kết hôn

số: 29/2000 ngày 15/3/2000. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh B thường xuyên cờ bạc, rượu chè và nhiều lần đánh đập chị từ đó gia đình thường xuyên cãi nhau. Cuối năm 2018 chị đã làm đơn ly hôn lên Tòa sau đó anh B hứa sẽ thay đổi, nên chị đã rút đơn về, nhưng sau khi chị rút đơn về thì anh B vẫn thế, nên anh chị đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị xin được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Văn N, sinh ngày 29/4/2000 và Nguyễn Thị Hà M, sinh ngày 27/3/2003. Hiện tại các con đã trưởng thành có khả năng lao động, nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:**

Anh công nhận lời trình bày của chị T là đúng về thời gian kết hôn, mâu thuẫn. Nay anh không đồng ý ly hôn vì anh cho rằng anh không có lỗi gì với vợ con, nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Văn N, sinh ngày 29/4/2000 và Nguyễn Thị Hà M, sinh ngày 27/3/2003. Hiện tại các con đã trưởng thành trên 18 tuổi, nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu ý kiến:**

**Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

**Về đường lối giải quyết vụ án:**

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Đã trưởng thành, nên không xét

Về tài sản chung không yêu cầu tòa giải quyết và nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng dân sự:** Căn cứ Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

Anh B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt anh B.

**[2] Về nội dung vụ án:**

**2.1.** Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B là hợp pháp vì hai bên tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định, nên được pháp luật bảo vệ.

**2.2.** Yêu cầu của chị T xin được ly hôn với anh B. Vì chị T cho rằng cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh B thường xuyên bài bạc, rượu chè và đánh đập chị dẫn đến gia đình mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh chị đã ly thân từ năm 2020 đến nay Xét thấy mâu thuẫn giữa anh, chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên cho chị T được ly hôn với anh B là phù hợp với quy định của pháp luật.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân của anh, chị tại địa phương, địa phương không nắm rõ do anh chị không yêu cầu địa phương hòa giải về mâu thuẫn.

**2.3.** Về con chung: Trước đây Tòa án đã thụ lý tranh chấp về nuôi con, nay con chung đã trưởng thành, nên không xét.

**2.4.** Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**2.5.** Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**[3]. Về án phí sơ thẩm:** Buộc chị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

**[4].** Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147; 227; 269; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

**2. Về con chung:** Đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét.

**3. Về tài sản chung:** Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

**4. Nợ chung:** Không có, Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

**5. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0004993 ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị T đã nộp đủ.

**6.** Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Riêng anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Vĩnh Thành;
- Chi cục THADS H Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ, Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Trung Chiến**